TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:106/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v: "Ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về việc ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại: H.

- Người đại diện do chị Kim A ủy quyền để giải quyết về con chung: Anh **Nguyễn Đức H1** - SN 1978.

Địa chỉ: Số nhà 10/110, phố V, khu 2, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú: số nhà 27A ngõ 113 phố Đ, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa chị Kim A, anh T vắng mặt (đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Kim A trình bày:* Chị và anh Nguyễn Trọng T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2019 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh T hay chửi mắng chị và gia đình nhà chị. Thời gian chị về phép anh T không cho con đi cùng chị về thăm bố mẹ chị dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh đã đánh chị. Chị xác định cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T tẻ nhạt, áp lực, nhiều năm nay không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T để cả hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014. Hiện nay chị không ở Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc các con nên đề nghị Tòa án giao hai con cho anh T nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng/con. Hai con là 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp anh T tranh chấp về nuôi con và tài sản chung thì chị ủy quyền cho anh trai chị là Nguyễn Đức H – SN: 1978. Địa chỉ: Số nhà 10/110, phố V, khu 2, phường T, thành phố H thay mặt chị để giải quyết về con chung và tài sản chung giữa chị và anh T.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2019 bị đơn đề nghị Tòa án khi giải quyết ly hôn cho anh và chị Kim A thì giải quyết đồng thời về tài sản chung của hai người. Tòa án đã yêu cầu bị đơn phải nộp đơn đề nghị chia tài sản thì Tòa án

mới thụ lý giải quyết về tài sản vợ chồng. Tuy nhiên sau 15 ngày bị đơn không có đơn đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2019, bị đơn thể hiện quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung mà sẽ tự thỏa thuận với nguyên đơn. Về ly hôn bị đơn đồng ý ly hôn và có nguyện vọng nuôi hai con là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bị đơn không xuất trình tài liệu nào khác kể cả Giấy CMTND của bị đơn và Giấy Chứng nhận kết hôn của hai vợ chồng mặc dù đã được Tòa án giải thích. Bị đơn không đề nghị Tòa án giải quyết gì khác ngoài yêu cầu mà nguyên đơn đã đề nghị Tòa án giải quyết là ly hôn và nuôi con. Vì nguyên và bị đơn nhất trí ly hôn và nuôi con nên bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo việc nguyên đơn ủy quyền cho anh trai là Nguyễn Đức H thay mặt nguyên đơn giải quyết về con chung của nguyên đơn và bị đơn song bị đơn không đồng ý làm việc cùng anh H bởi nguyên và bị đơn đã thống nhất với nhau về việc nuôi con nên không cần anh H phải tham gia vào việc riêng của gia đình bị đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh.

* Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Đức H, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để giải quyết về con chung xác định: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Trọng T có 02 con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014. Khi anh T và chị Kim A ly hôn, anh nhất trí với nguyện vọng của anh T về việc nuôi con chung. Đề nghị Tòa án giao con chung của anh T và chị Kim A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Kim A về việc cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/con/tháng. Vì anh T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên anh cũng nhất trí thay chị Kim A thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải và xét xử vắng mặt chị Kim A theo đề nghị của chị Kim A.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 12814/QLXNC-P5 ngày 05/8/2019 thể hiện: Nguyễn Thị Kim A sinh ngày 25/8/1981 tại Hải Dương, CMND số 141885955, khai địa chỉ thường trú: Xóm 3, A, C, huyện T, tỉnh Hải Dương; đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số A 0268399A ngày 27/5/2002(hết hạn); có thông tin xuất cảnh ngày 17/01/2006 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên. Sau đó nhập xuất cảnh nhiều lần

bằng hộ chiếu số N 1445588, do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp, lần cuối xuất cảnh ngày 23/6/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Theo kết luận giám định số 34/KLGĐ ngày 16/8/2019 kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim A trên đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị (ký hiệu A1-A3) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh: đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề nghị giám định…, giấy ủy quyền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/3/2012… là do cùng một người ký ra.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn được chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chi Kim A. Xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Trọng T. Về con chung: Giao con Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014 cho anh Nguyễn Trọng T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Trọng T. Anh T hiện đang sinh sống tại phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Kim A hiện đang ở H1. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký của chị tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, đơn đề nghị. Theo kết luận giám định số 34/KLGĐ ngày 16/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim A trên đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị (ký hiệu A1-A3) với chữ ký cùng tên trên các tài liệu so sánh: đơn xin xét xử vắng mặt, đơn đề nghị giám định, giấy ủy quyền, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 20/3/2012 là do cùng một người ký ra. Do vậy Tòa án thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của chị Kim A là có căn cứ. Chị Kim A và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX xét xử vắng mặt chị Kim A và anh T theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Trọng T được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2019 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp dẫn đến từ lâu anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy đời sống chung giữa chị Kim A và anh T không có, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được nay anh chị mỗi người một nơi, khoảng cách về địa lý càng khiến anh chị không thể cải thiện được cuộc sống vợ chồng. Nay cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần giải quyết cho chị Kim A được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế.

[3]. Về con chung: Chị Kim A và anh T có hai con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014. Anh T có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn phù hợp với nguyện vọng của chị Kim A và thực tế là các con K và N đã và đang ở cùng anh T do anh T chăm sóc từ sau khi chị Kim A đi H1. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Kim A và anh T về việc giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Mặc dù anh T không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng HĐXX xét thấy anh T không có nghề nghiệp, không có thu nhập; từ trước đến nay ba cha con anh đều sống phụ thuộc vào kinh tế do chị Kim A gửi về từ H1. Để đảm bảo nguồn tài chính nuôi con chung cho anh T cần chấp nhận sự tự nguyện của chị Kim A cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/con/tháng, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Kim A và anh T không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Trọng K, sinh ngày 11/5/2013 và Nguyễn Thị Mai N, sinh ngày 07/12/2014 cho anh Nguyễn Trọng T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Kim A cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/con/tháng kể từ tháng 09/2019 đến khi các con tròn 18 tuổi.

Chị Kim A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ số tiền 300.000đ chị Kim A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008267 ngày 23/7/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị Kim A còn phải nộp 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
-UBND xó C, huyện T, tỉnh Hải Dương để

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

ghi vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Cẩm Vân